

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Nhuận

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị P, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 07-12-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn năm 2012. Trước đây, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, hai vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Từ khoảng giữa năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu diễn biến trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng về quan điểm sống, từ những chuyện nhỏ cũng xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Anh Tuấn A đã nhiều

lần mắng, chửi, đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Anh Tuấn A đã nhiều lần viết đơn xin ly hôn bắt chị ký vào. Mặc dù, chị đã nhiều lần chịu đựng, hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được. Do mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nên chị và anh Tuấn A đã sống ly thân 05 tháng nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không thể khắc phục được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 02 con chung là Nguyễn Nhật Minh C, sinh ngày 17-7-2012 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 09-12-2014. Chị nhận nuôi cháu B, để anh Tuấn A nuôi cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay, chị đang sống tại tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, làm việc trong công ty ở khu Công nghiệp Đồ Sơn, thu nhập ổn định hàng tháng là từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Vì vậy, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ghi ngày 04-01-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Tuấn A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung chị P trình bày về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và con chung. Anh thừa nhận tình trạng hôn nhân đúng như chị P đã nêu và anh là người có lỗi để xảy ra tình trạng hôn nhân đó. Tuy nhiên, cũng có nguyên nhân khách quan là thời gian vừa qua, công việc làm ăn của anh gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tâm lý của anh, nhiều lúc bức xúc, không kiềm chế được bản thân nên có nhiều lần to tiếng, mắng chửi, xúc phạm đến chị P nhưng chỉ là nóng giận nhất thời. Về sâu xa thì anh vẫn còn tình cảm với chị P, vẫn yêu thương vợ, con. Hôm xảy ra cãi vã, trong lúc bức xúc, nóng giận, anh có lỡ tay đánh đuổi chị P đi nên chị P đã chuyển về bên ngoại ở khoảng 05 tháng nay. Anh biết những việc làm như vậy là sai, chưa đúng với chị P, mong chị P bỏ qua mọi việc và quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con. Anh mong chị P cho anh cơ hội để sửa chữa, khắc phục những việc làm có lỗi của mình. Nếu chị P đồng ý anh sẽ nói chuyện với hai bên gia đình để đón chị P về tiếp tục chung sống. Sau này, nếu chị P thấy anh không thay đổi thì chị P tiếp tục làm đơn xin ly hôn, anh sẽ đồng ý.

- Về con chung: Trường hợp chị P vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh có chỗ ở ổn định, làm lái xe của gia đình, có thu nhập hàng tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại tổ dân phố và xác nhận của người thân chị P cho thấy: Thời gian gần đây, chị P và anh Tuấn A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, hay cãi vã, xô xát; anh Tuấn A đã có lần đánh đuổi chị P ra khỏi nhà. Chị P và anh Tuấn A đã sống ly thân hơn 05 tháng nay. Trong thời gian ly thân, anh Tuấn A có đến tìm chị P nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, quay về đoàn tụ nhưng chị P không đồng ý. Hiện nay, chị P làm việc tại

Công ty TNHH Tian Long Việt Nam, anh Tuấn A làm lái xe taxi gia đình; anh, chị đều có chỗ ở và thu nhập ổn định.

Tại phiên tòa, chị P cho biết đã không còn niềm tin và tình cảm đối với anh Tuấn A nên vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; anh Tuấn A thừa nhận lỗi của bản thân để xảy ra tình trạng hôn nhân trầm trọng như hiện nay, mong chị P vì các con cho anh cơ hội sửa sai, quay về chung sống để nuôi dạy con.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P ly hôn anh Tuấn A; giao cháu B cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A, cư trú tại: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Về hôn nhân:

[2] Chị Ngô Thị P và anh Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01/2012 ngày 07-5-2012. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh Tuấn A là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Chị P và anh Tuấn A kết hôn từ năm 2012. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống cùng gia đình anh Tuấn A ở tổ dân phố Q, phường H, quận Đ. Trước đây, thỉnh thoảng, giữa anh, chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Đến khoảng giữa năm 2020, mâu thuẫn trở lên trầm trọng, anh, chị thường xuyên cãi vã và đã xảy ra

xô xát. Nguyên nhân chính là do anh, chị chênh lệch nhiều về tuổi tác nên có những bất đồng về quan điểm sống. Mặt khác, thời gian vừa qua, do công việc gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của anh Tuấn A; nhiều khi bức xúc, không kìm chế được bản thân, anh đã to tiếng, mắng chửi, xúc phạm và đánh đuổi chị P. Gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh Tuấn A vẫn không thể cải thiện được. Anh, chị đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Trong thời gian sống ly thân, anh Tuấn A đã tìm nhiều giải pháp để tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh Tuấn A cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân như chị P trình bày là đúng. Mặc dù anh Tuấn A xin đoàn tụ nhưng chị P vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn niềm tin và tình với anh Tuấn A. Xét thấy, chị P và anh Tuấn A đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh Tuấn A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị P và anh Tuấn A có 02 con chung là Nguyễn Nhật Minh C, sinh ngày 17-7-2012 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 09-12-2014. Xét thấy, chị P và anh Tuấn A đều có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng con; đều có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Cháu C có nguyện vọng được ở với anh Tuấn A. Việc giao cháu C cho anh Tuấn A, giao cháu B cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của chị P và anh Tuấn A, đảm bảo quyền lợi của các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị P, giao cháu B cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P và anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị P và anh Tuấn A đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị P được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Nhật Minh C, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012 cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi; giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2014 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị P và anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị P và anh Tuấn A có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0007172 ngày 23-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị P và anh Tuấn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân Nhuận Lê Thị Mai Hương

Vũ Trọng Đạt